

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/12/2019

*V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và nợ chung vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mạnh

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và nợ chung vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Trường S**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: số 177/18, đường Trương Đ, phường An B, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Mỹ X**, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 572/9/5, đường Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nhan Mỹ Lan**, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 572/9/5, đường Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Ngô Thị Nhiều**, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 572/9/5A, đường Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Nguyễn Trường S trình bày: Anh và chị Nguyễn Mỹ X tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào năm 2007, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh L, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2009.

Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2018 và sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2018 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị X.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Sang Trọng Ph, sinh ngày 07/11/2008. Anh S tự nguyện giao con cho chị X nuôi dưỡng đến khi thành niên. Tại phiên tòa, anh S thống nhất theo ý kiến của chị X trong biên bản lấy lời khai lập ngày 08/7/2019, cụ thể là anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 17/12/2019 và ngày 17 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh thừa nhận vợ chồng có nợ mẹ vợ là bà Nhan Mỹ L số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tuy nhiên anh không có mượn di vợ là bà Ngô Thị Nh số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) như phía chị X trình bày. Do bà L và bà Nh không yêu cầu trả nợ trong vụ án này nên anh yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh S cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 08/7/2019 và đơn xin vắng mặt lập ngày 06/11/2019, bị đơn – chị Nguyễn Mỹ X trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường S tự quen biết nhau, tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh L, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 09/9/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Sang Trọng Ph, sinh ngày 07/11/2008. Chị và anh S sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, anh S không chăm lo vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, ngoài ra chị còn phát hiện anh S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con, anh Sang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, lúc anh S bị bệnh, chị có mượn mẹ ruột là bà Nhan Mỹ L số tiền 4.000.000 đồng vào năm 2016 và của người người đi là bà Ngô Thị Nh số tiền 6.000.000 đồng, tổng cộng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Do bà L và bà Nh không yêu cầu trả nợ trong vụ án này nên chị có ý kiến các bên tự thỏa thuận với nhau đối với khoản nợ chung vợ chồng.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nhan Mỹ L trình bày:** Bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Mỹ X mượn số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bà không có yêu cầu gì đối với số tiền đã cho mượn, tùy Tòa án xử sao cho hợp lý.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Ngô Thị Nh trình bày:** Bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Mỹ X mượn số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) nhưng bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số tiền nợ trong vụ án này.

- **Tại biên bản trình bày nguyện vọng lập ngày 08/7/2019, người con chung của anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Mỹ X là cháu Nguyễn Sang Trọng Ph có ý kiến:** muốn sống chung với mẹ do mẹ chăm sóc tốt.

- **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia phiên tòa đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – anh Nguyễn Trường S yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – chị Nguyễn Mỹ X đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Nguyễn Mỹ X cũng có yêu cầu giải quyết nợ chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, nợ chung vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – chị Nguyễn Mỹ X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nhan Mỹ L, bà Ngô Thị Nh có đơn xin vắng mặt toàn bộ các giai đoạn tố tụng của Tòa án và đã vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn – anh Nguyễn Trường S yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị X, bà L và bà Nh.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Anh S và chị X tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh L, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2009; như vậy, việc kết hôn của anh S và chị X đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh S và chị X đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; anh S cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, kinh tế gia đình; chị X thì cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, anh S không chăm lo vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, ngoài ra chị còn phát hiện anh S có mối quan hệ bất chính

với người phụ nữ khác. Hiện nay anh S và chị X xác định giữa hai người đều không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên anh, chị thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng do chị X vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn cho hai người. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh S và chị X không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và việc anh S, chị X đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Trường S và chị Nguyễn Mỹ X.

[2] Xét yêu cầu nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng cho con chung: Anh S và chị X thống nhất thỏa thuận giao người con chung tên Nguyễn Sang Trọng Ph cho chị X nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 08/7/2019, chị X yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh S đồng ý với yêu cầu này của chị X, anh đề nghị thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 17/12/2019 và ngày 17 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận này phù hợp với ý chí, nguyện vọng của con chung (bút lục số: 20) và quy định tại các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh S và chị X xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 08/7/2019, chị X cho rằng vợ chồng có nợ bà Nhan Mỹ L số tiền 4.000.000 đồng và bà Ngô Thị Nh số tiền 6.000.000 đồng, tổng cộng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Do bà L và bà Nh không yêu cầu trả nợ trong vụ án này (bút lục số: 26, 27), đồng thời anh Sang và chị X có ý kiến tự thỏa thuận với nhau đối với 02 khoản nợ này nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định không xem xét giải quyết nợ chung vợ chồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – anh Nguyễn Trường S.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Nguyên đơn – anh Nguyễn Trường S phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Trường S phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà anh Nguyễn Trường S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001612, ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi

hành án dân sự thành phố RG, anh Nguyễn Trường S còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Nguyễn Trường S, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường S được ly hôn với chị Nguyễn Mỹ X.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Sang Trọng Ph, sinh ngày 07/11/2008 cho chị X nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 17/12/2019 và ngày 17 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh S lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh S và chị X xác định không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Do bà Nhan Mỹ L và bà Ngô Thị Nh không yêu cầu anh S và chị X trả nợ trong vụ án này nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Nguyên đơn – anh Nguyễn Trường S phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Trường S phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà anh Nguyễn Trường S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001612, ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, anh Nguyễn Trường S còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

